

Số: /2022/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày tháng năm 2022

Dự thảo
(Lần đầu, gửi các cơ quan,
đơn vị góp ý)

NGHỊ QUYẾT
**Quy định nội dung, mức chi cho việc lựa chọn sách giáo khoa
trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ ...

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12
năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân
sách Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Chính
phủ về quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;*

*Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính
phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ
trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ
sở giáo dục phổ thông;*

*Căn cứ Công văn số 1671/BTC-HCSN ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ
Tài chính về việc nội dung, mức chi cho việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở
giáo dục phổ thông;*

*Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2022 của Ủy ban nhân
dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số .../BC-HĐND-VHXX ngày ... tháng ... năm 2022 của
Ban văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội
đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi cho việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo; các cơ sở giáo dục, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Nội dung, mức chi

1. Đối với các Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa cấp tỉnh

a) Chi nghiên cứu, nhận xét và đánh giá sách giáo khoa theo các tiêu chí lựa chọn: 15.000 đồng/người/tiết/môn học.

b) Chi các buổi họp chính thức liên quan đến phân công nhiệm vụ, thảo luận, đánh giá, bỏ phiếu lựa chọn sách giáo khoa:

- Chi tiền nước uống: 20.000 đồng/người/buổi (nửa ngày).

- Chi thù lao tham dự cuộc họp:

+ Chủ tịch Hội đồng: 200.000 đồng/người/buổi;

+ Phó Chủ tịch, ủy viên, thư ký Hội đồng: 150.000 đồng/người/buổi.

- Đối với các khoản chi thanh toán tiền phương tiện đi lại, phụ cấp tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ cho thành viên các Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa; tiền thuê hội trường (nếu có), thuê trang thiết bị phục vụ cuộc họp; tiền trang trí hội trường, văn phòng phẩm, tài liệu và các khoản chi liên quan trực tiếp đến công tác tổ chức cuộc họp: Áp dụng mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bình Phước và các văn bản hướng dẫn thực hiện trên địa bàn tỉnh.

2. Đối với việc đề xuất lựa chọn sách giáo khoa tại các cơ sở giáo dục phổ thông

a) Hỗ trợ giáo viên tổ chuyên môn nghiên cứu, thảo luận, đánh giá, đề xuất lựa chọn sách giáo khoa theo điểm a khoản 1 Điều 8 Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT: 3.000 đồng/tiết/người/môn.

b) Chi tổ chức cuộc họp tại cơ sở giáo dục phổ thông để thảo luận, đánh giá, đề xuất lựa chọn sách giáo khoa theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT:

- Chi tiền giải khát giữa giờ: Tối đa 10.000 đồng/người/buổi (nửa ngày).

- Chi thù lao cho đại biểu dự họp: Tối đa 100.000 đồng/người/buổi.

- Đối với các khoản chi liên quan đến công tác phí cho đại biểu tham dự cuộc họp; tiền thuê hội trường, trang thiết bị phục vụ cuộc họp (nếu có); tiền trang trí hội

trường, văn phòng phẩm, tài liệu và các khoản chi liên quan trực tiếp đến công tác tổ chức cuộc họp: Áp dụng mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh và các văn bản hướng dẫn thực hiện trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện và công tác lập dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí

1. Nguồn kinh phí: Sử dụng từ nguồn kinh phí sự nghiệp giáo dục và đào tạo được giao hàng năm theo phân cấp quản lý ngân sách, cụ thể:

- Đối với Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa cấp tỉnh: Sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp giáo dục và đào tạo được giao hàng năm cho Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Đối với hoạt động đề xuất lựa chọn sách giáo khoa tại các cơ sở giáo dục phổ thông: Sử dụng nguồn kinh phí hoạt động của cơ sở giáo dục hàng năm.

2. Việc lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo các quy định hiện hành của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Các mức chi được quy định tại Nghị quyết này là mức chi tối đa. Căn cứ vào nguồn ngân sách được phân bổ hàng năm, các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm chi điều tiết đảm bảo không vượt quá các mức chi được quy định tại Nghị quyết.

4. Khi các văn bản quy định chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2022 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2022./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (Cục KTVB), Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- TTTU, TTHĐND, UBND, Đoàn ĐBQH, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CNTT và TT;
- LĐVP, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT.